

Bản án số: 08/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 15 – 8 - 2025

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chinh và ông Nguyễn Văn Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2025/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh La Văn T, sinh năm 1981 (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Phùng Thị U, sinh năm 1979 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Tam Điền, xã Ea Tam, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

(Nay là thôn Tam Điền, xã Tam Giang, tỉnh Đắk Lắk)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh La Văn T trình bày:

Anh và chị Phùng Thị U tự nguyện chung sống với nhau năm 2002, nhưng đến ngày 05/12/2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk).

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận cho đến thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã. Nay xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể hàn gắn được, tình cảm không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phùng Thị U.

Về con chung: Anh và chị U có 02 con chung là La Thế H (sinh ngày 20/12/2003) và La Phương Thúy H1 (sinh ngày 27/04/2009). Theo nguyện vọng của con, anh đề nghị giao cháu La Phương Thúy H1 cho chị Phùng Thị U nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Đối với cháu La Thế H – sinh năm 2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại phiên tòa chị U yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng thì anh chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Phùng Thị U trình bày:

Chị công nhận chị và anh La Văn T chung sống với nhau năm 2002, nhưng đến ngày 05/12/2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng chị không hợp tính các nhau, nhưng không có mâu thuẫn gì nên chị không đồng ý ly hôn.

Chị công nhận chị và anh T có 02 con chung như anh T đã trình bày.

Mặc dù không đồng ý ly hôn, nhưng nếu Tòa án giải quyết cho cho ly hôn theo yêu cầu của anh T thì về con chung chị có nguyện vọng nuôi cháu La Phương Thúy H1 đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh La Văn T ly hôn với chị Phùng Thị U.

Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị U được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu La Phương Thúy H1 (sinh ngày 27/04/2009) kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, hai bên có quyền qua lại thăm nom và chăm sóc con chung.

Công nhận sự thỏa thuận của đương sự về việc anh La Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với việc nuôi con chung là cháu La Phương Thúy H1 là 1.000.000 đồng/ 1 tháng cho đến tuổi trưởng thành.

- Về án phí: Anh La Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh La Văn T và chị Phùng Thị U HuyHuylà vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cho rằng có phát sinh mâu thuẫn nên anh T đã khởi kiện yêu cầu ly hôn chị U và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Như vậy, tranh chấp giữa anh T và chị U là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại

khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh La Văn T và chị Phùng Thị U' là hợp pháp. Theo trình bày của anh T về lý do xin ly hôn là do quan hệ hôn nhân giữa chị và chị U' đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể khắc phục được. Quá trình giải quyết vụ án anh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Chị U' cho rằng giữa hai vợ chồng không mâu thuẫn và không chấp nhận ly hôn. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương thì thực tế giữa anh T và chị U' đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cãi vã, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị U' đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc anh T yêu cầu ly hôn chị U' là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị U' có 02 con chung là La Thế H (sinh ngày 20/12/2003) và La Phương Thúy H1 (sinh ngày 27/04/2009). Đối với cháu La Thế H đã trên 18 tuổi nên Tòa án không đặt ra xem xét về trách nhiệm nuôi con. Tại phiên tòa chị U' trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu La Phương Thúy H1. Xét ý kiến của chị U' là phù hợp với nguyện vọng của cháu H1, cần chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị U' yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con đối với cháu H1 mỗi tháng 1.000.000đ. Anh T chấp nhận yêu cầu của chị H1 về vấn đề cấp dưỡng. Xét nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần công nhận.

- Về phân chia tài sản chung và thanh toán nợ chung: Các đương sự chưa có yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra để xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh T là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, và phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh La Văn T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh La Văn T được ly hôn chị Phùng Thị U'
2. Về con chung:

- Giao cho chị Phùng Thị U được quyền và có nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu La Phương Thúy H1 (sinh ngày 27/04/2009), đến tuổi trưởng thành. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

- Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề cấp dưỡng: Anh La Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị U đối với cháu La Thị Thúy H2 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 9/2025 cho đến khi cháu H2 đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: Anh La Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Đắk Lắk), theo biên lai thu tiền số AA/2023/0012135 ngày 05/5/2025. Anh T tiếp tục phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- UBND xã Tam Giang, tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN